

Bản án số: 251/2024/DS-PT

Ngày 31 - 10 - 2024

V/v tranh chấp “Chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ và ông Đào Chí Keo.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2023/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 245/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị V2, sinh năm 1938;

Nơi cư trú: Tổ 3, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quách Thanh Ph, sinh năm 1977, nơi cư trú: Số 47 Nguyễn Trung Trực, khóm Thượng 2, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 17/10/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Quốc H1, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 3, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Ngô Thị D1, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Hưng Hòa, xã PH, huyện PT, tỉnh AG.

3.2 Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

3.3 Anh Ngô Hiền V1, sinh năm 1996 (Vắng mặt);

3.4 Chị Ngô Hồng Tr1, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 2, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3.5 Ông Ngô Quốc H2, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 3, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG. Nơi tạm trú: tổ 24, khóm 3, phường 6, thành phố CL, tỉnh ĐT.

3.6 Ông Ngô Thanh T1, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 3, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3.7 Ông Ngô Thanh Kh1, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Số 419, tổ 8, ấp Phú Mỹ Hạ, xã PT, huyện PT, tỉnh AG.

3.9 Ông Ngô Vạn T2, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 19A, đường số 3 Lê Hoàn, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG. Nơi làm việc: Cửa hàng ANTESCO số 69-71-73 Nguyễn Huệ, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Thanh Kh1 và ông Ngô Vạn T2: Ông Trần Quốc Kh2, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ 06, ấp Phú Mỹ Hạ, xã PT, huyện PT, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 08/7/2024 và ngày 31/7/2024 (Có mặt).

3.10 Bà Ngô Thị Kim L1, sinh năm 1952 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 43, tổ 3, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3.11 Anh Nguyễn Thanh T3 (T4), sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 3, khóm Thượng 3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG. Nơi tạm trú: Số 64 Trần Văn Thành, khóm Trung 3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3.12 Ông Hà Văn T5, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

3.13 Bà Đặng Thị Mộng T6, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 2, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, AG.

3.14 Bà Lê Thị Ph1, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

3.15 Chị Ngô Cẩm H3, sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Tổ 03, khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, AG.

3.16 Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1949 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: khóm Phú Hiệp, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh AG.

3.17 Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1950 (Vắng mặt);

3.18 Ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1951 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Hiệp Trung, xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3.19 Ông Nguyễn Văn D3, sinh năm 1957 (Vắng mặt);

3.20 Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960 (Xin vắng mặt);

3.21 Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr1, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

3.22 Bà Nguyễn Thị D4, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: Khóm Trung 1, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG.

3.23 Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Bình Tây 1, xã PB, huyện PT, tỉnh AG.

3.24 Bà Nguyễn Bích Th2, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp Kiều Thuận 2, xã Kh, huyện CM, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Thanh Kh1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Lê Thị V2 ủy quyền cho ông Quách Thanh Ph trình bày:

Bà Lê Thị V2 và ông Ngô Văn L2, chết năm 2017 là vợ chồng kết hôn vào năm 1962, có 07 người con là (1) bà Ngô Thị D1, (2) ông Ngô Hữu V3, chết năm 2019 có vợ con là bà Nguyễn Thị D2, bà Ngô Hiền V1, bà Ngô Hồng Tr1, (3) ông Ngô Thanh T1, (4) ông Ngô Thanh Kh1, (5) ông Ngô Quốc H2, (6) ông Ngô Quốc H1, (7) ông Ngô Vạn T2. Trước khi cưới bà V2 thì ông L2 có vợ là bà Nguyễn Kim L3 (chết năm 1957) có con là bà Ngô Thị Kim L1. Quá trình chung sống, bà V2 và ông L2 có tạo lập được tài sản chung gồm:

- Phần đất diện tích 287,4m², thửa số 42, 318, tờ bản đồ 33, loại đất T và LNK, tọa lạc tại thị trấn PM, huyện PT, tỉnh AG đã được Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fd ngày 13/12/2002 cho ông Ngô Văn L2. Trên đất có 01 căn nhà sàn gỗ, vách gỗ, mái tole, diện tích ngang 15m, dài 20m do vợ chồng bà V2 xây dựng, không phải nhà phủ thờ và 01 căn nhà cấp 4 ngang khoảng 8m x dài 11m do ông Ngô Quốc H1 xây dựng, sống chung nhà gồm có bà Lê Thị Ph1 và chị Ngô Cẩm H3; 01 trại tạm làm mộc ngang khoảng 3m x 4m của ông Ngô Thanh T1 cất năm 2016.

- Phần đất diện tích 1.650m², thửa số 37, 38, 474, tờ bản đồ 33 loại đất NTS, CLN+ODT (đo đạc thực tế 1.586,3m²) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01 căn nhà của ông H1 làm lò tàu hủ cất vào năm 2007 diện tích 64,1m²; 01 căn nhà gỗ của bà Đặng Thị Mộng T6, ông Hà Văn T5 gắn liền diện tích 53,5m² do ông L2, bà V2 cho ở nhờ vào năm 2021; diện tích đất 200m² (đo đạc thực tế 248,4m²) ao nuôi cá do ông L2, bà V2 cho ông Ngô Hữu V3 vào năm 1985 (cho bằng miệng), ông V3 chưa đăng ký kê khai đến năm 2019 bị bệnh mất, các con trong gia đình biết và không ai phản đối nên không còn là tài sản chung; diện tích 61,5m² (đo đạc thực tế 88,9m²) đã chuyển nhượng giấy tay ngày 15/11/2003 cho anh Nguyễn Thanh T3 (T4) với giá 20.000.000 đồng, có ông H1 ký tên chứng kiến, đã giao đất cho anh T3 và nhận đủ T5. Khi chuyển nhượng, hiện trạng là đất ao, anh T3 bơm cát và trồng vài cây chuối, không có sự việc giả mạo như ông Kh1 và ông T2 trình bày. Khu

mồ mã diện tích 47m^2 . Còn lại toàn bộ diện tích đất trống do ông H1 san lấp mặt bằng vào năm 2017 và đang quản lý sử dụng. Sau khi trừ đi phần đất đã chuyển nhượng cho ông T3 $61,5\text{m}^2$ và phần đất ao 200m^2 đã cho ông V3, tài sản của vợ chồng còn lại diện tích đất $1.388,5\text{m}^2$.

Ông L2 chết không để lại di chúc, bà V2 và các con không tự thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp. Đơn khởi kiện ngày 29/9/2022 bà V2 yêu cầu chia thừa kế tài sản đối với 01 căn nhà của vợ chồng gắn liền với đất diện tích $287,4\text{m}^2$ và diện tích đất chưa được cấp giấy $1.388,5\text{m}^2$, tạm tính 1.500.000.000 đồng. Do là tài sản chung của vợ chồng nên bà được 50% = 750.000.000 đồng, 50% là tài sản của ông L2 chia thừa kế theo pháp luật làm 09 phần, mỗi kỹ phần 83.330.000 đồng. Bà V2 đồng ý cho ông H1 nhận hiện vật nhà và các loại đất, chỉ yêu cầu nhận giá trị với số tiền 843.750.000 đồng. Đối với phần đất cho ông T5, bà T6 ở nhờ không tranh chấp. Đối với trình bày của ông Kh1, ông T2 về việc ông L2 hứa cho mỗi người 01 nền đất ngang 5m, dài 20m có lối đi ra đường chính bà không đồng ý, vì không có sự việc này. Bà V2 thống nhất Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 13/11/2023, ngày 20/11/2023 và thống nhất giá của Hội đồng định giá ngày 24/3/2023.

Bị đơn là ông Ngô Quốc H1 trình bày:

Về thông tin cha mẹ, các anh chị em đúng như bà V2 trình bày. Ông L2 chết năm 2017 không để lại di chúc. Phần tài sản chung của cha mẹ tạo lập đúng như bà V2 trình bày. Hiện nay, ông đang quản lý các tài sản nói trên và giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fđ ngày 13/12/2002. Ông đồng ý chia theo yêu cầu của bà V2, yêu cầu được nhận hiện vật. Đối với phần đất vợ chồng ông T5 ở nhờ hiện không tranh chấp. Không đồng ý yêu cầu của ông T2, ông Kh1 về việc chia mỗi người 01 nền đất ngang 05m, dài 20m có hướng ra mặt tiền vì khi còn sống, ông L2 không hứa cho. Phần đất ông L2, bà V2 chuyển nhượng giấy tay cho anh T3 ghi diện tích 60m^2 , giá 20.000.000 đồng, ông có ký tên chứng kiến nên không phải là di sản thừa kế. Diện tích đất ao 200m^2 ông L2 cho ông V3 thời gian nào thì không nhớ cụ thể nhưng đến nay cũng gần 30 năm, các anh em khác biết không phản đối gì, không phải di sản thừa kế nên không phân chia. Giá thị trường đối với 2 loại đất ông không biết, thống nhất Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 13/11/2023, 20/11/2023 và thống nhất chia theo giá của Hội đồng định giá do Tòa án thành lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thanh T3 (T4) trình bày: Vào ngày 15/11/2003, anh có nhận chuyển nhượng diện tích đất 60m^2 (hiện đang sử dụng $61,5\text{m}^2$) của ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2 với giá 20.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng, anh 16 tuổi, lý do cha mẹ không đại diện vì cha đã chết, mẹ không hiểu biết nên anh phải đứng ra ký tên mua bán, có ông Ngô Quốc H1 ký tên chứng kiến. Sau khi trả đủ tiền thì nhận đất, lúc mua đất ao bị trũng nên sau đó tiến hành bơm cát san lấp mặt bằng, hai bên không đo vẽ cụ thể nên khi giao diện tích chênh lệch $28,9\text{m}^2$ (đo đạc thực tế $88,9\text{m}^2$). Đất chưa xây nhà, hiện nay là đất trống, trồng vài cây chuối. Yêu cầu công nhận giấy chuyển nhượng ngày 15/11/2003, phần diện tích thừa $28,9\text{m}^2$ đồng ý hoàn trả lại. Đối với căn nhà dùng làm lò tàu hủ của ông H1 có diện tích $24,1\text{m}^2$ nằm trên đất của anh đứng tên thì không yêu cầu di dời.

Bà Ngô Thị D1 và ông Ngô Quốc H2 trình bày: Về họ tên cha mẹ, thời gian cha chết không để lại di chúc và thông tin các con của cha mẹ là đúng như lời khai của bà Lê Thị V2. Quá trình chung sống cha mẹ có tạo lập được sổ tài sản chung như bà V2 trình bày. Không có ý kiến đối với việc chuyển nhượng đất cho T3, vì đó là tài sản của cha mẹ nên có quyền định đoạt. Thống nhất nội dung khởi kiện của bà V2, tự nguyện nhường kỷ phần được chia cho ông H1. Khi ông L2 còn sống có đứng tên phân đất khác và đã có phân chia cho các con nhưng cụ thể bao nhiêu ông bà không rõ và cũng không tranh chấp. Đối với phần đất ao diện tích 200m² cha mẹ có cho ông V3, không nhớ cụ thể thời gian nào, đây là tài sản của cha mẹ nên cha mẹ có quyền tự định đoạt. Việc ông T2, ông Kh1 trình bày khi cha còn sống có hứa bằng miệng cho ông Kh1, ông T2 mỗi người 01 nền đất ngang 05m, dài 20m có lối đi ra đường là không có sự việc này.

Ông Ngô Thanh Kh1 ủy quyền cho anh Trần Quốc Kh2 trình bày: Quá trình chung sống cha mẹ ông Kh1 có tạo lập được sổ tài sản chung như bà V2 trình bày, ông L2 chết không để lại di chúc. 01 căn nhà sàn gỗ gắn liền trên diện tích 287,4m² đất T, LNK thống nhất là di sản chưa phân chia, đề nghị làm phủ thờ cho bà V2 ở lúc tuổi già, không phân chia đối với nhà, đất trên. Diện tích 1.388,5m², loại đất ao, CLN thuộc thửa số 38, tờ bản đồ 33 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đo đạc sẽ căn cứ diện tích cụ thể do Văn phòng đăng ký đất cung cấp. Đối với phần đất anh T3 nhận chuyển nhượng thời điểm này anh T3 mới 16 tuổi chưa đủ tuổi thực hiện sang nhượng, giấy chuyển nhượng không đúng thời điểm năm 2003, không lẫn tay điểm chỉ nên vẫn nằm trong phần đất được thừa kế, đề nghị Tòa án không công nhận hợp đồng chuyển nhượng. Trước đây cha mẹ cho ông V3 phần đất ở 150m² để cất nhà sinh sống nhưng bà V2 cho thêm 200m² đất ao là không hợp lý, vì chỉ cho mượn nuôi cá chứ không phải cho luôn để sử dụng. Trước khi ông L2 mất khoảng 07-08 năm có họp mặt các con lại nói cho ông V3 mượn nuôi cá. Nay yêu cầu chia cho ông Kh1 và ông T2 mỗi người 01 nền đất ngang 05m, dài 20m có lối đi tới phần đường chính đối với phần đất chưa được cấp giấy, vì khi ông L2 còn sống có hứa cho bằng miệng, sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập trình bày cụ thể yêu cầu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoà giải. Thống nhất Sơ đồ hiện trạng khu đất và thống nhất giá của Hội đồng định giá ngày 24/3/2023.

Ông Ngô Vạn T2 ủy quyền cho anh Trần Quốc Kh2 trình bày: Ông T2 thống nhất theo ý kiến của ông Ngô Thanh Kh1, đề nghị Tòa án không công nhận giấy tay chuyển nhượng ngày 15/11/2003. Chỉ yêu cầu chia cho ông và ông Kh1 mỗi người 01 nền đất ngang 05m, dài 20m, có lối đi ra phần đường chính. Theo biên bản định giá tài sản ngày 24/3/2023 của Hội đồng định giá thì ông thống nhất.

Bà Ngô Thị Kim L1 trình bày: Bà là con của ông L2 và Nguyễn Kim L3. Sau khi bà L3 chết, ông L2 cưới vợ là bà Lê Thị V2. Bà không nhận thừa kế của ông L2, xin không liên quan đến việc phân chia giữa bà V2 và các con của bà V2.

Ông Ngô Thanh T1 trình bày: Quá trình chung sống cha mẹ có tạo lập được các tài sản chung như bà V2 trình bày. Trên phần đất ở diện tích 287,4m²,

ông có cất trại mộc diện tích ngang 6m, dài 3m. Yêu cầu được chia diện tích đất đang quản lý sử dụng, yêu cầu được vắng mặt đến khi kết thúc vụ án.

Bà Nguyễn Thị D2 trình bày: Bà với ông V3, chết năm 2019 là vợ chồng có 02 con chung là Ngô Hiền V1, Ngô Hồng Tr1. Vào năm 1985, ông L2 và bà V2 có cho ông V3 đất ao để nuôi cá có diện tích 200m². Ông V3 nuôi cá đến khi chết chưa đăng ký kê khai đối với phần đất trên. Hiện nay bà và 02 con đang quản lý nên không tranh chấp. Đối với phần tài sản bà V2 và ông H1 tranh chấp chia thừa kế, sẽ nhường lại cho ông H1 nhận.

Anh Ngô Hiền V1 và chị Ngô Hồng Tr1 trình bày: Anh chị thống nhất theo ý kiến của bà D2 là sẽ nhường lại kỷ phần ông V3 được chia thừa kế cho ông H1 nhận. Còn phần diện tích đất ao nuôi cá không thuộc di sản thừa kế nên không tranh chấp.

Ông Hà Văn T5 và bà Đặng Thị Mộng T6 trình bày: Năm 2021, vợ chồng ông có cất nhà ở nhờ trên phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L2 và bà V2, qua đo đạc diện tích 53,5m², sẽ tự thỏa thuận với ông H1, bà V2 và yêu cầu được vắng mặt.

Bà Lê Thị Ph1 và chị Ngô Cẩm H3 trình bày: Ông H1 là chồng của bà Ph1, chị Ngô Thị Cẩm Quyền là con cùng sống chung nhà với ông H1 trên phần đất ở 287,4m² mà các bên đang tranh chấp. Không có ý kiến đối với việc tranh chấp giữa ông H1 với bà Lê Thị V2.

Bà Nguyễn Thị L1 (Con của ông Nguyễn Văn Miêm và bà Trần Thị Ảnh) trình bày: Căn nhà của ông H1 có một phần diện tích 5,5m² leo ranh qua phần đất của ông Miêm, bà Ảnh đứng tên, nay cha mẹ đã chết, bà đã trao đổi với các anh chị em không tranh chấp trong vụ án này, yêu cầu được vắng mặt.

Các ông bà Nguyễn Thị X1, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Văn D3, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Bích Th2, Nguyễn Thị Mỹ Tr1, Nguyễn Thị D4 (Con của ông Nguyễn Văn Miêm và bà Trần Thị Ảnh) không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 97,6m² đất thuộc thửa số 38 do yêu cầu khởi kiện vượt quá so với thực tế, đồng ý không chia 47m² đất mồ mã thuộc thửa 38, nếu không công nhận hợp đồng chuyển nhượng với anh T3 theo Giấy tay ngày 15/11/2003 thì đồng ý đưa diện tích 88,9m² vào tài sản chung của vợ chồng 1.290,9m² để phân chia và tự chịu trách nhiệm trả lại 30.000.000 đồng cho anh T3. Đối với diện tích 287,4m² đất ODT, LNK cấp cho hộ gia đình sẽ chia đều cho 07 thành viên gồm bà V2, ông L2, H1, Kh1, T2, H2, L1. Căn nhà sàn gỗ và diện tích 1.290,9m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận giữ nguyên yêu cầu chia đôi. Tuy ông T2 là con trai út nhưng không sống chung gia đình mà ông H1 là người sống gần gũi và chăm sóc, phụng dưỡng bà V2, ông L2 đã có công cải tạo, san lấp phần đất diện tích 1.290,9m². Do đó, đồng ý để ông H1 nhận toàn bộ nhà và các loại đất, bà chỉ nhận giá trị, không đồng ý yêu cầu của ông Kh1, ông T2.

Ông H1 đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà V2, không chia 47m² đất mồ mã. Phần đất diện tích 1.290,9m² ông H1 đã bơm cát, san lấp mặt bằng vào năm

2014, đến năm 2020 bà V2 mới giao đất cho anh T3 theo giấy tay ngày 15/11/2003. Đối với căn nhà làm lò tàu hủ đã cất năm 2007, ông quản lý sử dụng đến nay. Ông không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Kh1, ông T2, cũng không yêu cầu bà V2 thanh toán chi phí san lấp đã bỏ ra. Đối với trại tạm làm mộ của ông T1 chưa có nhu cầu nên không yêu cầu di dời.

Anh T3 xác định sau khi ông H1 bơm cát phần đất ao thì năm 2020 bà V2 mới giao đất, chưa xây nhà, nếu hợp đồng chuyển nhượng bị vô hiệu thì đồng ý trả lại đất theo đo đạc diện tích 88,9m², đồng ý nhận số tiền 30.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2023/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 131, Điều 133 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 131, các Điều 117, 119, 122, 123, 131, 502, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Luật đất đai năm 1993; Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V2 về việc chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản đối với diện tích đất 97,6m².

2. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của nguyên đơn bà Lê Thị V2.

- Xác định diện tích 287,4m², đất T và LNK, thửa 42, 318, tờ bản đồ 33, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fđ do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 13/12/2002 đứng tên hộ ông Ngô Văn L2, có giá trị 183.933.000 đồng là tài sản chung của hộ gia đình gồm ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2, bà Ngô Thị Kim L1, ông Ngô Hữu V3, ông Ngô Thanh Kh1, ông Ngô Quốc H2, ông Ngô Quốc H1 và ông Ngô Vạn T2.

- Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2 gồm 01 căn nhà sàn gỗ, vách gỗ, mái tole diện tích 90,3m² có giá trị 124.221.000 đồng và diện tích 1290,9m² đất ODT+CLN, thửa số 38, 474, tờ bản đồ 33 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ, có giá trị 228.150.000 đồng và 47m² đất mồ mã thuộc thửa 38, tờ bản đồ 33.

- Xác định di sản của ông Ngô Văn L2 là ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng và 1/7 giá trị diện tích 287,4m², đất T và LNK, tờ bản đồ 33, thửa 42, 318, tổng số tiền 202.461.000 đồng.

- Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn L2 gồm có bà Lê Thị V2, bà Ngô Thị D1, ông Ngô Hữu V3, ông Ngô Thanh T1, Ngô Thanh Kh1, ông Ngô Quốc H2, ông Ngô Quốc H1, ông Ngô Vạn T2 và bà Ngô Thị Kim L1. Ông V3 chết nên người thừa kế của ông V3 gồm bà Nguyễn Thị D2,

anh Ngô Hiền V1 và chị Ngô Hồng Tr1. Di sản của ông L2 được chia 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 22.495.000 đồng.

Tài sản được phân chia như sau:

- Ông Ngô Quốc H1 được sở hữu 01 căn nhà 90,3m² sàn gỗ, vách gỗ, mái tole gắn liền với quyền sử dụng đất 287,4m² loại đất T và LNK, thuộc thửa 42, 318 tờ bản đồ 33, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fđ do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 13/12/2002 đứng tên hộ ông Ngô Văn L2 gồm các M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10; 10,9,8,17 của sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 13/11/2023.

- Ông Ngô Quốc H1 được quyền sử dụng đất ODT+CLN 1.290,9m² thuộc thửa số 38, 474, tờ bản đồ 33 gồm các điểm 6,28,29,43, 44,45,46,47,48,49,34,33,32,31,23,24,25,26.

- Bà V2, ông H1, bà D1, ông T1, ông H2, ông Kh1, ông T2, bà L1, bà D2, anh V1, chị Tr1 được quyền sử dụng chung 03 khu mô mã diện tích 47m² tại các điểm 12, 13, 14, 15, 16; 35,36,37,38 và 39, 40, 41, 42.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 13/11/2023, 20/12/2023, 25/6/2024 là một phần của bản án sơ thẩm).

Ông Ngô Quốc H1 có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký biến động đất đai từ tên hộ Ngô Văn L2 sang tên cá nhân ông H1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fđ do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 13/12/2002 và có trách nhiệm kê khai, đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Lê Thị V2 được chia bằng tiền 251.232.000 đồng.

- Ông Ngô Thanh T1 được chia bằng tiền 22.495.000 đồng

- Ông Ngô Thanh Kh1 được chia bằng tiền 48.771.000 đồng.

- Ông Ngô Vạn T2 được chia bằng tiền 48.771.000 đồng.

- Ông Ngô Quốc H1 có nghĩa vụ thanh toán tiền chia tài sản cho bà Lê Thị V2 251.232.000 đồng, cho ông Ngô Thanh T1 22.495.000 đồng, cho ông Ngô Thanh Kh1 48.771.000 đồng, cho ông Ngô Vạn T2 48.771.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Quốc H2, bà Trần Thị Kim L1, bà Ngô Thị D1, bà Nguyễn Thị D2, anh Ngô Hiền V1 và chị Ngô Hồng Tr1 giao toàn bộ phần thừa kế của mình cho ông Ngô Quốc H1 được sở hữu sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T3 (T4) về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay ngày 15/11/2003 với ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giấy tay ngày 15/11/2003 giữa ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2 với anh Nguyễn Thanh T3 vô hiệu.

Buộc anh Nguyễn Thanh T3 giao trả lại cho ông Ngô Quốc H1 diện tích 88,9m², đất ODT+CLN thuộc thửa số 38, tờ bản đồ 33 gồm các điểm 20,21,24,25 theo sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 25/6/2024.

Buộc bà Lê Thị V2 phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh T3 số tiền 30.000.000 đồng.

4. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị V2 tự nguyện chịu 6.268.000 đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí:

- Bà Lê Thị V2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô Quốc H1 phải chịu 8.251.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô Thanh Kh1 phải chịu 2.439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô Thanh T1 phải chịu 1.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô Vạn T2 phải chịu 2.439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Anh Ngô Thanh T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005897 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện phú Tân.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31 tháng 7 năm 2024 ông Ngô Thanh Kh1 ủy quyền cho ông Trần Quốc Kh2 nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông Kh1 được nhận 01 nền nhà có lối đi để cất nhà ở ổn định lúc tuổi già khi không còn kiếm sống trên ghe được thì có nơi an hưởng lúc tuổi già; Nếu được nhận di sản thừa kế phần đất diện tích 1.289 m² (Tại phiên tòa trình bày diện tích 1.290,9m²) của ông Ngô Văn L2 thì phần đất diện tích 287,4m² của ông L2, bà V2 thì ông Kh1 sẽ không nhận thừa kế phần đất đó mà nhường lại cho bà V2 thụ hưởng.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Thanh Kh1; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Thanh Kh1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Kh1 theo trình tự phúc thẩm.

Bà Ngô Thị D1, bà Nguyễn Thị D2, anh Ngô Hiền V1, chị Ngô Hồng Tr1, ông Ngô Quốc H2, ông Ngô Thanh T1, bà Ngô Thị Kim L1, anh Nguyễn Thanh T3 (T4), ông Hà Văn T5, bà Đặng Thị Mộng T6, bà Lê Thị Ph1, chị Ngô Cẩm H3, bà Nguyễn Thị X1, ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn Văn Th1, ông Nguyễn Văn D3, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Mỹ Tr1, bà Nguyễn Thị D4, bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Bích Th2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Ngô Quốc H1 có Đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Kh1 yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông được nhận 01 nền nhà ngang 5m, dài 20m nằm trong phần đất diện tích 1.290,9m², thửa đất số 37, 38, 474, tờ bản đồ số 33, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân hoặc cho ông được nhận di sản thừa kế phần đất diện tích 1.290,9m² của ông Ngô Văn L2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay do ông Ngô Quốc H1 đang quản lý sử dụng đất. Xét thấy, ông Kh1 ủy quyền cho ông Kh2 cho rằng khi ông L2 còn sống có hứa bằng miệng cho ông Kh1 01 nền đất ngang 05m, dài 20m có lối đi ra đường chính nhưng bà V2 cùng các thừa kế khác không thừa nhận và ông Kh1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do phần đất diện tích 1.290,9m² là tài sản chung của bà V2 và ông L2 mỗi người ½ diện tích là 645,45m². Trong đó, phần đất của bà V2 đồng ý giao cho ông H1 quản lý, sử dụng và ông H1 có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà V2; còn phần di sản của ông L2 nếu chia bằng hiện vật thì mỗi suất thừa kế được nhận diện tích 71,71m², tuy nhiên hiện nay phần đất trồng là đất trồng cây lâu năm và đất nuôi thủy sản nên ông Kh1 yêu cầu được chia 01 nền đất diện tích ngang 5m, dài 20m thì không đủ diện tích để tách thửa theo quy định của pháp luật. Việc ông Kh1 yêu cầu được nhận di sản thừa kế phần đất diện tích 1.290,9m² cũng không được các thừa kế đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Kh1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 180/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Kh1 không được chấp nhận nên ông Kh1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:
 - Khoản 1 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
 - Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
 - Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Thanh Kh1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 180/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.
3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị V2 về việc chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản đối với diện tích đất 97,6m².
4. Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của nguyên đơn là bà Lê Thị V2.
5. Xác định phần đất diện tích 287,4m², thửa đất số 42, 318, tờ bản đồ 33, loại đất T và LNK, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fđ do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 13/12/2002 cho hộ ông Ngô Văn L2 trị giá 183.933.000 đồng là tài sản chung của hộ gia đình gồm ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2, bà Ngô Thị Kim L1, ông Ngô Hữu V3, ông Ngô Thanh Kh1, ông Ngô Quốc H2, ông Ngô Quốc H1 và ông Ngô Vạn T2.
6. Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Ngô Văn L2 và bà Lê Thị V2 gồm 01 căn nhà sàn gỗ, vách gỗ, mái tole có diện tích 90,3m² trị giá 124.221.000 đồng và diện tích 1.290,9m², thửa đất số 38, 474, tờ bản đồ 33, loại đất ODT+CLN, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 228.150.000 đồng và 47m² đất mồ mã thuộc thửa 38, tờ bản đồ 33.
7. Xác định di sản thừa kế của ông Ngô Văn L2 là ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng và 1/7 giá trị phần đất diện tích 287,4m², loại đất T và LNK, tờ bản đồ 33, thửa đất số 42, 318 với số tiền 202.461.000 đồng.
8. Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Ngô Văn L2 gồm bà Lê Thị V2, bà Ngô Thị D1, ông Ngô Hữu V3 đã chết có vợ con là bà Nguyễn Thị D2, anh Ngô Hiền V1, chị Ngô Hồng Tr1; ông Ngô Thanh T1; ông Ngô Thanh Kh1; ông Ngô Quốc H2; ông Ngô Quốc H1; ông Ngô Vạn T2; bà Ngô Thị Kim L1. Di sản của ông L2 được chia 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá 22.495.000 đồng.
9. Ông Ngô Quốc H1 được sở hữu 01 căn nhà sàn gỗ, vách gỗ, mái tole có diện tích 90,3m² gắn liền với phần đất diện tích 287,4m², thửa đất số 42, 318, tờ bản đồ số 33, loại đất T và LNK, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00808 QSDĐ/Fđ do Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân cấp ngày 13/12/2002 cho hộ ông Ngô Văn L2, gồm các điểm M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10; 10, 9, 8, 17 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 13/11/2023.

10. Ông Ngô Quốc H1 được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 1.290,9m², thửa đất số 38, 474, tờ bản đồ số 33, loại đất ODT+CLN, tọa lạc thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân gồm các điểm 6,28,29,43,44,45,46,47,48,49,34,33,32,31,23,24, 25, 26 của Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 25/6/2024.

11. Bà V2, ông H1, bà D1, ông T1, ông H2, ông Kh1, ông T2, bà L1, người thừa kế của ông V3 là bà D2, anh V1, chị Tr1 được quyền sử dụng chung 03 khu mô mã có diện tích 47m² tại các điểm 12, 13, 14, 15, 16; 35,36,37,38 và 39, 40, 41, 42 của Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 25/6/2024.

12. Ông Ngô Quốc H1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động hoặc kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

13. Ông Ngô Quốc H1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho các thừa kế:

- Bà Lê Thị V2 số tiền 251.232.000 đồng.
- Ông Ngô Thanh T1 số tiền 22.495.000 đồng
- Ông Ngô Thanh Kh1 số tiền 48.771.000 đồng.
- Ông Ngô Vạn T2 số tiền 48.771.000 đồng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Quốc H2, bà Trần Thị Kim L1, bà Ngô Thị D1, bà Nguyễn Thị D2, anh Ngô Hiền V1 và chị Ngô Hồng Tr1 giao toàn bộ phần thừa kế của các ông bà cho ông Ngô Quốc H1 được sở hữu, sử dụng không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản.

14. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T3 (T4) về việc công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay) ngày 15/11/2003 giữa ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2 và anh Nguyễn Thanh T3.

14.1 Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay) ngày 15/11/2003 giữa ông Ngô Văn L2, bà Lê Thị V2 với anh Nguyễn Thanh T3 vô hiệu.

14.2 Buộc anh Nguyễn Thanh T3 phải giao trả lại cho ông Ngô Quốc H1 phần đất diện tích 88,9m², loại đất ODT+CLN, thửa đất số 38, tờ bản đồ 33, gồm các điểm 20,21,24,25 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân lập ngày 25/6/2024.

14.3 Buộc bà Lê Thị V2 phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh T3 số tiền 30.000.000 đồng.

15. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị V2 tự nguyện chịu 6.268.000 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ (đã nộp xong).

16. Về án phí dân sự sơ thẩm:

16.1 Bà Lê Thị V2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

16.2 Ông Ngô Quốc H1 phải chịu 8.251.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

16.3 Ông Ngô Thanh Kh1 phải chịu 2.439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

16.4 Ông Ngô Thanh T1 phải chịu 1.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

16.5 Ông Ngô Vạn T2 phải chịu 2.439.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

16.6 Anh Ngô Thanh T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005897 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

17. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Kh1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007116 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- TAND H.Phú Tân;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà